

**Câu 1 (1.0 điểm).** Cho tập  $A = (2; +\infty); B = (-9; 5]$  Tìm  $A \cap B; A \cup B$ ?

**Câu 2 (1.0 điểm).** Xác định  $a, b$  để đồ thị hàm số  $y = ax + b$  đi qua 2 điểm  $M(0; -2), N(2; 4)$

**Câu 3 (1.0 điểm).** Tìm tất cả các giá trị của tham số  $m$  để phương trình  $x^2 - 2(m+1)x + m^2 - 2m = 0$  có hai nghiệm  $x_1; x_2$  sao cho  $|x_1 - x_2| = 6$

**Câu 4 (1.0 điểm).** Giải phương trình  $|4x + 1| = x^2 + 2x - 4$

**Câu 5 (1.0 điểm).** Giải phương trình  $\sqrt{x^2 - 3x + 9} = 2x - 3$

**Câu 6 (1.0 điểm).** Giải hệ phương trình 
$$\begin{cases} (x+1)^2 = 8 + y^2 \\ x^2 + y^2 + 2xy + y = x + 8 \end{cases}$$

**Câu 7 (1.0 điểm).** Cho hai số thực  $x, y$  thỏa mãn  $x^2 + y^2 = 1 + xy$ . Tìm giá trị lớn nhất biểu thức  $P = x^3y + y^3x + x^2y^2$

**Câu 8 (1.0 điểm).** Cho tam giác  $ABC$  có trọng tâm  $G$ . Hãy biểu diễn véc tơ  $\overrightarrow{AG}$  qua các véc tơ  $\overrightarrow{AB}; \overrightarrow{AC}$

**Câu 9 (1.0 điểm).** Trên hệ trục  $Oxy$  cho các điểm  $A(1; 2); B(4; 0); C(3; -2)$ .

Chứng minh rằng 3 điểm  $A, B, C$  lập thành một tam giác. Tính diện tích tam giác  $ABC$

**Câu 10 (1.0 điểm).** Cho hình vuông  $ABCD$  cạnh  $a$ , trên cạnh  $AC$  lấy điểm  $M$  sao cho  $AM = \frac{AC}{4}$ .

Gọi  $N$  là trung điểm  $DC$ . Chứng minh rằng tam giác  $BMN$  vuông cân.

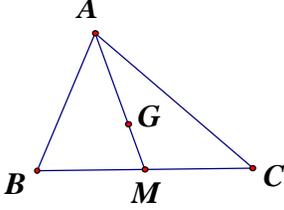
-----**HẾT**-----

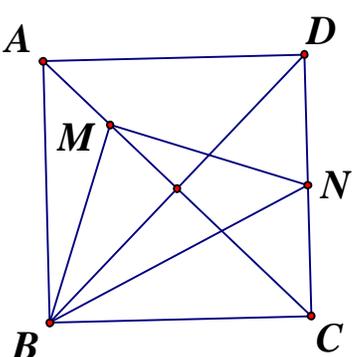
*Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.*

Họ tên thí sinh.....Số báo danh.....

## ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM TOÁN 10

Câu	Nội dung	Điểm
<b>1</b>	<b>Cho tập</b> $A = (2; +\infty); B = (-9; 5]$ <b>Tìm</b> $A \cap B; A \cup B$ ?	<b>1.0</b>
	$A \cap B = (2; 5]$	<b>0.5</b>
	$A \cup B = (-9; +\infty)$	<b>0.5</b>
<b>2</b>	<b>Xác định a, b để đồ thị hàm số</b> $y = ax + b$ <b>đi qua 2 điểm</b> $M(0; -2), N(2; 4)$ .	<b>1.0</b>
	Theo bài ra ta có hpt: $\begin{cases} b = -2 \\ 2a - 2 = 4 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} a = 3 \\ b = -2 \end{cases}$	<b>0.5</b>
	Vậy $a = 3; b = -2$	<b>0.5</b>
<b>3</b>	<b>Tìm m để phương trình</b> $x^2 - 2(m+1)x + m^2 - 2m = 0$ ( $m$ là tham số) <b>có hai nghiệm</b> $x_1; x_2$ <b>sao cho</b> $ x_1 - x_2  = 6$ .	<b>1.0</b>
	2. Điều kiện để phương trình có nghiệm là: $(m+1)^2 - (m^2 - 2m) \geq 0 \Leftrightarrow m \geq \frac{-1}{4}$ (*)	<b>0.5</b>
	$ x_1 - x_2  = 6 \Leftrightarrow (x_1 + x_2)^2 - 4x_1x_2 = 36 \Leftrightarrow 4(m+1)^2 - 4(m^2 - 2m) = 36$ $\Leftrightarrow m = 2$ . (t/m*) Vậy $m = 2$ là gtct.	<b>0.5</b>
<b>4</b>	<b>Giải phương trình:</b> $ 4x+1  = x^2 + 2x - 4$	<b>1.0</b>
	Với $x \geq -\frac{1}{4}$ ta có pt: $4x+1 = x^2 + 2x - 4 \Leftrightarrow x^2 - 2x - 5 = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x = 1 + \sqrt{6} (tm) \\ x = 1 - \sqrt{6} (l) \end{cases}$	<b>0.5</b>
	Với $x < -\frac{1}{4}$ ta có pt: $-4x-1 = x^2 + 2x - 4 \Leftrightarrow x^2 + 6x - 3 = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x = -3 + 2\sqrt{3} (l) \\ x = -3 - 2\sqrt{3} (tm) \end{cases}$	<b>0.5</b>
	Vậy pt có 2 nghiệm $x = 1 + \sqrt{6}; x = -3 - 2\sqrt{3}$	
<b>5</b>	<b>Giải phương trình:</b> $\sqrt{x^2 - 3x + 9} = 2x - 3$ .	<b>1.0</b>
	$\sqrt{x^2 - 3x + 9} = 2x - 3 \Leftrightarrow \begin{cases} 2x - 3 \geq 0 \\ x^2 - 3x + 9 = (2x - 3)^2 \end{cases}$	<b>0.5</b>
	$\Leftrightarrow \begin{cases} 2x - 3 \geq 0 \\ 3x^2 - 9x = 0 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x \geq \frac{3}{2} \\ \begin{cases} x = 0 \\ x = 3 \end{cases} \end{cases} \Leftrightarrow x = 3$	<b>0.5</b>
	Vậy phương trình có nghiệm duy nhất: $x = 3$ .	

	<b>Giải hệ phương trình</b> $\begin{cases} (x+1)^2 = 8 + y^2 \\ x^2 + y^2 + 2xy + y = x + 8 \end{cases}$	<b>1,0</b>
<b>6</b>	Hệ $\Leftrightarrow \begin{cases} (x+y) + (x-y) + (x+y)(x-y) = 7 \\ (x+y)^2 - (x-y) = 8 \end{cases}$ Đặt $\begin{cases} a = x+y \\ b = x-y \end{cases} \Rightarrow \begin{cases} a+b+ab = 7 \\ a^2 - b = 8 \end{cases}$	<b>0,5</b>
	Giải hệ tìm được $(a;b) = (3;1) \Leftrightarrow (x;y) = (2;1)$	<b>0,5</b>
	<b>Cho hai số thực <math>x, y</math> thỏa mãn <math>x^2 + y^2 = 1 + xy</math>. Tìm giá trị lớn nhất biểu thức <math>P = x^3y + y^3x + x^2y^2</math></b>	<b>1,0</b>
<b>7</b>	Ta có: $x^2 + y^2 = 1 + xy \Leftrightarrow (x+y)^2 = 1 + 3xy \Rightarrow xy \geq -\frac{1}{3}$ $1 + xy = x^2 + y^2 \geq 2xy \Rightarrow xy \leq 1$	<b>0,5</b>
	Đặt $t = xy \Rightarrow t \in \left[-\frac{1}{3}; 1\right]$ Ta có $P = xy(x^2 + y^2 + xy) = xy[(x+y)^2 - xy] = xy(1 + 2xy) = 2t^2 + t = f(t)$ Lập bảng BT cho $f(t)$ với $t \in \left[-\frac{1}{3}; 1\right] \Rightarrow \text{Max}P = 3$ khi $x = y = 1$	<b>0,5</b>
	<b>Cho tam giác <math>ABC</math> có trọng tâm <math>G</math>. Hãy biểu diễn véc tơ <math>\overrightarrow{AG}</math> qua các véc tơ <math>\overrightarrow{AB}; \overrightarrow{AC}</math>.</b>	<b>1,0</b>
<b>8</b>	<div style="text-align: center;">  </div> <p>Gọi <math>M</math> là trung điểm của <math>BC</math>. Ta có: <math>\overrightarrow{AM} = \frac{1}{2}(\overrightarrow{AB} + \overrightarrow{AC})</math></p>	<b>0,5</b>
	$\Rightarrow \overrightarrow{AG} = \frac{2}{3}\overrightarrow{AM} \Rightarrow \overrightarrow{AG} = \frac{1}{3}(\overrightarrow{AB} + \overrightarrow{AC})$	<b>0,5</b>
	<b>Trên hệ trục <math>Oxy</math> cho các điểm <math>A(1;2); B(4;0); C(3;-2)</math>. Chứng minh rằng 3 điểm <math>A, B, C</math> lập thành tam giác. Tính diện tích tam giác <math>ABC</math></b>	<b>1,0</b>
<b>9</b>	$\overrightarrow{AB} = (3;-2); \overrightarrow{AC} = (2;-4); \overrightarrow{BC} = (-1;-2)$ . Xét hai véc tơ $\overrightarrow{AB}; \overrightarrow{AC}$ . Ta có: $\frac{3}{2} \neq \frac{-2}{-4}$ nên hai véc tơ không cùng phương.	<b>0,5</b>

	<p>Suy ra ba điểm A, B, C lập thành tam giác.</p> <p>Gọi H(a; b) là chân đường vuông góc hạ từ A. Ta có:  <math>\overrightarrow{AH} = (a-1; b-2); \overrightarrow{BC} = (-1; -2); \overrightarrow{BH} = (a-4; b)</math>.</p> <p>H là chân đường cao khi <math>\begin{cases} \overrightarrow{AH} \cdot \overrightarrow{BC} = 0 \\ \overrightarrow{BH}; \overrightarrow{BC} \text{ cùng phương} \end{cases} \Rightarrow \begin{cases} a+2b=5 \\ a-4=\frac{b}{2} \end{cases} \Leftrightarrow H\left(\frac{21}{5}; \frac{2}{5}\right)</math></p> <p>Vậy <math>S = \frac{1}{2} AH \cdot BC = \frac{1}{2} \frac{8\sqrt{5}}{5} \cdot \sqrt{5} = 4</math></p>	0,5
10	<p><b>Cho hình vuông ABCD cạnh a. M là điểm trên cạnh AC sao cho <math>AM = \frac{AC}{4}</math>. Gọi N là trung điểm DC. Chứng minh rằng tam giác BMN vuông cân.</b></p>	1,0
	<div style="text-align: center;">  </div> <p>Đặt  <math>\overrightarrow{AD} = \vec{a}; \overrightarrow{AB} = \vec{b} \Rightarrow \overrightarrow{AM} = \frac{1}{4}(\vec{a} + \vec{b}), \overrightarrow{AN} = \frac{1}{2}(2\vec{a} + \vec{b})</math></p> <p><math>\overrightarrow{MB} = \overrightarrow{AB} - \overrightarrow{AM} = \frac{1}{4}(-\vec{a} + 3\vec{b}), \overrightarrow{MN} = \overrightarrow{AN} - \overrightarrow{AM} = \frac{1}{4}(3\vec{a} + \vec{b}) \Rightarrow \overrightarrow{MB} \cdot \overrightarrow{MN} = 0</math></p> <p>Vậy tam giác NMB vuông ở M.</p>	0,5
	<p>Mặt khác <math>MB^2 = MN^2 = \frac{5}{8}a^2</math>. Vậy tam giác BMN cân ở M.</p> <p>Suy ra điều phải chứng minh</p>	0,5

(Chú ý: Học sinh làm theo cách khác so với đáp án nhưng đúng vẫn cho điểm như trên)  
 -----HẾT-----